

Số: / /TT-BLĐTBXH
(Dự thảo 1)

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi

Căn cứ Khoản 3 Điều 147 Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm rà soát, không được bố trí người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm các công việc và tại nơi làm việc được quy định tại các Điều khoản sau:

- a) Điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 147 Bộ luật Lao động;
- b) Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 147 Bộ luật Lao động;
- c) Điều 1 của Thông tư này.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

- a) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Liên đoàn Lao động địa phương thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này;
- b) Tăng cường kiểm tra, thanh tra phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về sử dụng lao động chưa thành niên;
- c) Hằng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình thực hiện Thông tư này cùng với báo cáo công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trên địa bàn.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

- 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.
- 2. Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Bộ



Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Website Bộ LĐTBXH;
- Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ (30 bản).

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung



(Kèm theo Thông tư số .../2020/TT-BLĐTBXH ngày ... tháng ... năm của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Ngoài các nơi làm việc quy định tại Điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 147 Bộ luật Lao động, cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm tại các nơi làm việc, chỗ làm việc theo điểm h Khoản 1 Điều 147 như sau:

1. Tiếp xúc với các yếu tố vệ sinh lao động và các chất trong môi trường lao động (bao gồm: điện từ trường, rung, ồn, nhiệt độ, bụi silic, bụi không chứa silic, bụi bông, bụi amiăng, bụi than, bụi tale; các loại chất, tia phóng xạ; bức xạ bởi tia X và các tia có hại khác) nằm ngoài giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh lao động;
2. Tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm;
3. Thời gian làm việc trên 04 giờ/ngày trong không gian làm việc gò bó, chật hẹp, công việc có khi phải quỳ gối, nằm, cúi khom;
4. Trên giá cao hay dây treo cao hơn 2 m so với mặt sàn làm việc; địa hình đồi núi dốc trên 30°.

Ngoài các nơi làm việc quy định tại Điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 147 Bộ luật Lao động, cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm các công việc theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 147 cụ thể tại bảng sau:

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
1	Trực tiếp nấu rót và vận chuyển kim loại lỏng, tháo dỡ khuôn đúc làm sạch sản phẩm đúc ở các lò: - Lò điện hồ quang (không phân biệt dung tích). - Lò bằng luyện thép.	Công việc nặng nhọc, trực tiếp chịu tác động của nhiệt độ cao, mức ồn, rung vượt tiêu chuẩn cho phép.

	- Lò chuyên luyện thép. - Lò cao. - Lò quay bilo luyện gang.	
2	Cán kim loại nóng.	Công việc nặng nhọc, trực tiếp chịu tác động của nhiệt độ cao, mức ồn, rung vượt quá tiêu chuẩn cho phép.
3	Trực tiếp luyện quặng kim loại màu (đồng, chì thiếc, thủy ngân, kẽm, bạc).	Thường xuyên chịu tác động của ồn, bụi và hơi, khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
4	Đốt và ra lò luyện cốc.	Ảnh hưởng của nóng, bụi, ồn và CO, CO ₂ vượt tiêu chuẩn cho phép.
5	Đốt lò đầu máy hơi nước.	Ảnh hưởng của nóng, bụi, ồn, hơi khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
6	Vận hành nồi hơi đốt nhiên liệu (than đá, bã mía, củi, mùn cưa và nồi hơi sử dụng nhiên liệu lỏng và có khí áp suất làm việc từ 4,0 bar trở lên, công suất trên 0,5 T/h).	Công việc rất nguy hiểm, thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao.
7	Vận hành hệ thống điều chế và nạp axetylen, oxy, hydro, clo và các khí hoá lỏng, các trạm khí nén có áp suất 8,0 bar.	Công việc rất nguy hiểm, tiếp xúc với khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
8	Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh).	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, làm việc trong môi trường lạnh.
9	Vận hành máy gia công kim loại bằng các máy rèn, dập, ép, cắt sử dụng hơi nước, khí nén hoặc bằng điện.	Công việc nặng nhọc, rất nóng ảnh hưởng của bức xạ nhiệt, nồng độ CO, CO ₂ , SO ₂ và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
10	Lắp đặt, sửa chữa, lau chùi khuôn máy rèn, dập, ép, cắt kim loại (không phân biệt máy hơi nước, khí nén, điện hoặc cơ).	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
11	Hàn trong thùng kín, hàn ở vị trí có độ cao trên 2m so với mặt sàn công tác.	Công việc nặng nhọc, cheo leo, nguy hiểm, tư thế lao động khó khăn.
12	Thu gom bã thải sản xuất cồn công nghiệp.	Công việc nặng nhọc, ồn, bụi, khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
13	Cán, kéo, dập sản phẩm chì, mạ chì.	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng và hơi chì.
14	Đúc đồng, cô đúc nhôm.	Công việc nặng nhọc, trực tiếp chịu tác động của nhiệt độ cao, mức ồn, rung

		vượt tiêu chuẩn cho phép.
15	Vận hành máy hồ vải sợi.	Đứng và đi lại trên 7 km/8h làm việc; chịu tác động của bụi bông và tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
16	Nhuộm, hấp, vải sợi.	Công việc tiếp xúc với hoá chất độc, môi trường làm việc độ ẩm, nóng.
17	Thủ kho, phụ kho kho hóa chất, thuốc nhuộm	Công việc tiếp xúc với hoá chất độc, môi trường làm việc độ ẩm, nóng.
18	Đào lò trong khai khoáng.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, thiếu dưỡng khí.
19	Các công việc trong hầm lò hoặc ở hồ sâu hơn 5m.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, thiếu dưỡng khí.
20	Khai thác đá, đập đá thủ công, cạy bẫy đá trên núi.	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm
21	Trực tiếp đưa vật liệu vào máy nghiền đá và làm việc với máy nghiền đá.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
22	Tuyển quặng chì.	Chịu tác động bụi chì và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
23	Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atmotphe trở lên (như máy khoan, máy búa và các máy tương tự gây những chấn động không bình thường cho thân thể người).	Chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
24	Đãi, tuyển vàng, quặng, đá đỏ.	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
25	Trực tiếp đào gốc cây có đường kính lớn hơn 40cm bằng phương pháp thủ công.	Công việc rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó.
26	Cưa xẻ gỗ thủ công 2 người kéo bằng phương pháp thủ công (chỉ cấm đối với nữ chưa thành niên).	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
27	Đốn hạ những cây có đường kính từ 35cm trở lên, cưa cắt cành, tia cành trên cao bằng phương pháp thủ công.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc cheo leo, nguy hiểm.
28	Vận xuất gỗ lớn, xeo bần, bốc xếp gỗ có đường kính từ 35cm trở lên bằng thủ công, bằng máng gỗ, bằng cầu trượt	Làm việc ngoài trời ở các địa hình đồi, núi dốc (từ 10 ⁰ - 15 ⁰), công việc nặng nhọc, nguy hiểm.

	gỗ.	
29	Mò vót gỗ chìm, cánh kéo gỗ trong âu, triển đưa gỗ lên bờ.	Làm việc ngoài trời trên sông, suối, công việc thủ công, nặng nhọc, rất nguy hiểm.
30	Xuôi bè mảng trên sông có nhiều ghềnh thác.	Làm việc ngoài trời trên sông, suối, công việc thủ công, nặng nhọc, rất nguy hiểm.
31	Lái máy kéo nông nghiệp.	Tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
32	Các công việc khai thác phân dơi; khai thác tổ yến tự nhiên ngoài đảo.	Thường xuyên làm việc ngoài đảo, công việc nặng nhọc.
33	Xẻ gỗ bằng máy cưa đĩa và máy cưa vòng.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, chịu tác động của tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
34	Vận hành các máy bào trong nghề gỗ.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, chịu tác động của tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
35	Trực tiếp nuôi thú dữ hoặc động vật có nọc độc.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
36	Sơ chế tre, nứa, mây, cói, có sử dụng hóa chất độc hại.	Công việc nặng nhọc, tiếp xúc với hóa chất độc hại.
37	Đốt lò nung gạch chịu lửa, lò vôi, tôi vôi bằng phương pháp thủ công.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu ảnh hưởng của nhiệt độ cao.
38	Công việc phải làm một mình trên đường sắt, hoặc ở nơi tầm nhìn của người công nhân không vượt quá 400m, hoặc nơi giao thông rất khó khăn.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công nặng nhọc, nguy hiểm, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
39	Công việc di chuyển, nối hoặc tách toa xe trong xưởng máy, trên đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
40	Điều khiển các phương tiện giao thông vận tải có động cơ có dung tích xi lanh từ 50 cm ³ trở lên.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, ảnh hưởng của bụi, rung và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
41	Điều khiển cầu trục, cần trục, công trục, palăng điện, palăng xích kéo tay thuộc diện phải kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
42	Móc buộc tải trọng cho cầu	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.

	trục, cần trục, công trục, palăng điện.	
43	Lái máy thi công (như máy xúc, máy gạt ủi, máy san, gạt, khoan, đóng cọc, xe bánh xích).	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi, ồn và rung vượt tiêu chuẩn cho phép.
44	Vận hành tàu hút bùn, hút cát.	Làm việc trong môi trường ô nhiễm nặng, chịu tác động của tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
45	Khảo sát đường sông.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, thường xuyên lưu động, chịu tác động của bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
46	Đổ bê tông dưới nước.	Làm việc trên sông nước, công việc rất nặng nhọc, tiếp xúc với ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
47	Các công việc trên tàu đi biển.	Thường xuyên làm việc trên biển, chịu áp lực của sóng biển, tiếng ồn cao và rung vượt tiêu chuẩn cho phép.
48	Làm việc trên máy bay.	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu ảnh hưởng tiếng ồn cao, rung vượt tiêu chuẩn cho phép và thường xuyên chịu tác động do thay đổi nhiệt độ, áp suất.
49	Kỹ thuật viên giao thông đường hàng không và điện tử an toàn hàng không.	Công việc căng thẳng thần kinh tâm lý.
50	Lắp đặt giàn khoan.	Làm việc ngoài trời, công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung hoá chất độc vượt tiêu chuẩn cho phép và thường xuyên chịu tác động của sóng, gió.
51	Làm việc ở giàn khoan trên biển.	Làm việc ngoài trời, công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung hoá chất độc vượt tiêu chuẩn cho phép và thường xuyên chịu tác động của sóng, gió.
52	Công việc gác tàu, trông tàu trong âu, triển đà	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh, tâm lý.
53	Khoan thăm dò giếng dầu và khí.	Luôn phải lưu động tại vùng rừng núi, hải đảo thiếu nước ngọt, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, ảnh hưởng trực tiếp ồn rung vượt tiêu chuẩn cho phép, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc bẩn thỉu.

54	Khoan thăm dò, khoan nổ mìn, bắn mìn.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, bụi và khí NO ₂ vượt tiêu chuẩn cho phép.
55	Làm việc ở lò lên men thuốc lá, lò sấy điều thuốc lá.	Chịu tác động của bụi, ồn, nicotin vượt tiêu chuẩn cho phép.
56	Cán ép tấm da lớn, cứng.	Thường xuyên làm việc trên biển, chịu áp lực của sóng biển, tiếng ồn cao và rung vượt tiêu chuẩn cho phép.
57	Tráng paraffin trong bể rượu.	Làm việc trong hầm kín, nóng, thiếu oxy, nồng độ hơi cồn cao. Tư thế lao động rất gò bó, công việc thủ công.
58	Lưu hoá, hình thành, bóc dỡ sản phẩm cao su cỡ lớn như: thùng, két nhiên liệu, lốp ô tô.	Thường xuyên tiếp xúc với nóng ồn bụi và hóa chất độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
59	Công việc tiếp xúc với xăng, dầu trong hang, hầm: giao nhận, bảo quản, vận hành máy bơm và đo xăng, dầu.	Làm việc trong hầm tối, thường xuyên tiếp xúc với hoá chất độc vượt tiêu chuẩn cho phép; có thể nguy hiểm khi lấy mẫu tại hiện trường.
60	Đốt lò sinh khí nấu thủy tinh, thổi thủy tinh bằng miệng.	Chịu tác động của nóng và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
61	Châm lửa cho máy đốt dầu tiêu thụ từ 400 l/giờ.	Công việc nặng nhọc, nóng và tiếp xúc với dầu.
62	Các công việc đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy phải mang vác, gá đặt vật gia công nặng từ 20kg trở lên	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
63	Chế tạo, sử dụng, vận chuyển các sản phẩm nguy hiểm: chất nổ, chất dễ cháy, chất ô xy hoá, khí đốt, thuốc súng, đạn dược, pháo có nguy cơ gây nổ, cháy.	Công việc rất nguy hiểm, có nguy cơ cháy nổ, căng thẳng thần kinh.
64	Vận hành lò đốt rác và xử lý nước thải.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên làm việc trong môi trường ô nhiễm nặng vượt tiêu chuẩn cho phép.
65	Nấu, tẩy rửa bột giấy bằng clo.	Công việc tiếp xúc với Clo, nhiệt độ cao.
66	Lắp đặt sửa chữa đường dây điện trong cống ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của điện từ trường, ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép và nguy hiểm.
67	Lắp đặt, sửa chữa cáp ngầm, cáp treo của đường dây điện	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm chịu tác động của điện

	thông tin.	từ trường, ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
68	Vận hành, trực các trạm điện hạ áp, trung áp và cao áp.	Công việc phức tạp, đi lại nhiều (trên 7km/8h làm việc), ảnh hưởng của ồn, nồng độ bụi rất cao vượt tiêu chuẩn cho phép.
69	Kiểm tra, sửa chữa và xử lý các mạch điện có điện thế 700 V trong trường hợp dòng điện một chiều; > 220V trong trường hợp dòng điện xoay chiều và các vật duy trì mạch điện ấy.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó.
70	Công việc ở đài phát thanh, phát sóng tần số radiô như đài phát thanh, phát hình và trạm radar, trạm vệ tinh viễn thông... bị ảnh hưởng bởi điện từ trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép.	Công việc phức tạp, đi lại nhiều, ảnh hưởng của điện từ trường, ồn, nồng độ bụi rất cao vượt tiêu chuẩn cho phép.
71	Sửa chữa lò, thùng, tháp kín, đường ống trong sản xuất hoá chất.	Nơi làm việc chật hẹp, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nhiệt độ cao và hóa chất độc mạnh.
72	Các công việc tiếp xúc dung môi hữu cơ như: ngâm tẩm tà vẹt, trải nhũ tương giấy ảnh, in hoa trên màng mỏng, in nhãn trên giấy láng mỏng, cán ép nhựa phenon, vận hành nôi đa tụ keo phenon.	Điều kiện làm việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của nóng, hóa chất độc mạnh, nguy hiểm.
73	Trực tiếp tiếp xúc với hoá chất gây biến đổi gen: - 5 Fluro- uracil; - Benzen.	Điều kiện làm việc tiếp xúc với hoá chất gây biến đổi gen.
74	Trực tiếp tiếp xúc với các hoá chất, hợp chất gây tác hại sinh sản lâu dài (như: gây thiếu năng tinh hoàn, thiếu năng buồng trứng): - Estrogen; - Axít cis-retinoic; - Cacbaryl;	Điều kiện làm việc tiếp xúc với hoá chất gây tác hại sinh sản.

	- Dibromuaclopropan(DBCP); -Toluendiamin và dinitrotoluen; - Polyclorin biphenyl (PCBs); -Polybromua biphenyl (PBBs).	
75	Trực tiếp tiếp xúc (bao gồm: Sản xuất, đóng gói, pha chế, phun thuốc, khử trùng kho) với các hoá chất trừ sâu, trừ cỏ, diệt mối mọt, diệt chuột, trừ muỗi có chứa Clo hữu cơ và một số hoá chất có khả năng gây ung thư sau đây: - 1,4 butanediol, dimetansunfonat; - 4 aminnobiphenyl; - Amiăng loại amosit, amiăng loại crysotil, amiăng loại crocidolit; - Asen (hay thạch tín), canxi asenat; - Dioxin; - Diclorometyl-ete; - Các loại muối cromat không tan; - Nhựa than đá, phân bay hơi nhựa than đá; - Xyclophotphamit; - Dietylstilboestol; - 2, Naphtylamin; - N, N – di (Cloroetyl). 2. Naphtylamin; - Thori dioxyt; - Theosufan; - Vinyl clorua, vinyl clorid; - 4- amino, 10- metyl folic axít; - Thủy ngân, hợp chất metyl thủy ngân, metyl thủy ngân clorua; - Nitơ pentoxyt; - 2,3,7,8 tetracoloro dibenzen furan;	Chịu tác động của ồn, rung và hoá chất vượt tiêu chuẩn cho phép.

	- 2- alphaphenyl-beta axetyletyl; - Axety salixylic axít; - Asparagin; - Benomyl; - Boric axít; - Cafein; - Dimetyl sunfoxid; - Direct blue-1; - Focmamid; -Hydrocortison, Hydrocortission axetat; - Iod (kim loại); - Chì, chì axetat, chì nitrat (tiếp xúc với xăng sơn, mực in có chứa chì, sản xuất ốc quy, hàn chì); - Mercapto, purin; - Kali bromua, kali iodua; - Propyl- thio- uracil ; - Ribavirin ; - Natri asenat, natri asenit, natri iodua, natri salixylat ; -Tetrametyl thiuram disunfua; -Trameinnolon axetonid ; - Triton WR-1339 ; - Trypan blue; - Valproic axít; - Vincristin sunfat; - Khí dụng Vinazol.	
76	Tiếp xúc thường xuyên với các hoá chất sau đây: - Oxyt cacbon (CO): như vận hành lò tạo khí than, thải xỉ; - Các loại thuốc nhuộm có gốc anilin, xylizin, toluzin, auramin; - Các hợp chất có gốc xianua (-CN-); - Phốt pho và các hợp chất P2O5, P2S5, PCl3, H3P; - Trinitro toluen (TNT); -Mangan dioxyt (MnO2); - Photgein (COCl2); -Disunfua cacbon(CS2);	Trực tiếp làm việc tiếp xúc với hoá chất độc.

	- Oxit nitơ và axit nitric; - Anhydrit sunfuaric và axit sunfuaric; - Đất đèn (CaC_2) như vận hành lò đất đèn dạng hở, thải xỉ	
77	Trực tiếp tiếp xúc với các hoá chất gây nghiện và các chế phẩm của nó như bào chế được phẩm có thành phần moocfin, efedrin, sedusen.	Chịu tác động của ồn, rung và hoá chất vượt tiêu chuẩn cho phép.
78	Làm việc trong thùng chìm.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thiếu dưỡng khí.
79	Nạo vét cống ngầm, công việc phải ngâm mình thường xuyên dưới nước bẩn hôi thối.	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với các chất phế thải và hóa chất độc hại vượt tiêu chuẩn cho phép.
80	Sản xuất photpho vàng.	Điều kiện làm việc tiếp xúc với hoá chất gây biến đổi gen.
81	Mổ tử thi, liệm mai táng người chết, bốc mả, các công việc trong nhà xác.	Công việc rất nặng nhọc, độc hại, căng thẳng thần kinh tâm lý.
82	Công việc trong nhà tù hoặc trong bệnh viện tâm thần.	Làm việc trong môi trường có nguy cơ lây nhiễm cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.
83	Nhặt hoặc phân loại rác thải, chất thải, các chất thải hoặc phế liệu.	Làm việc trong môi trường độc hại, tiếp xúc với nhiều vi sinh vật có hại.
84	Công việc tiếp xúc với hơi thuốc gây mê hàng ngày, làm việc ở khoa hồi sức cấp cứu, khoa chống nhiễm khuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn ở khoa lây của các cơ sở y tế, các trung tâm truyền máu, các cơ sở sản xuất vắc xin phòng bệnh, tham gia dập tắt các ổ dịch, làm việc ở khu điều trị bằng sóng ngắn, siêu âm.	Làm việc trong môi trường có nguy cơ lây nhiễm cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.
85	Công việc trên giàn giáo hoặc	Làm việc ngoài trời, nặng nhọc, nguy

	trên rầm xà cao hơn 2 m so với sàn thao tác.	hiểm.																			
86	Lắp dựng, tháo dỡ hoặc thay đổi giàn giáo (trừ trường hợp phụ việc làm trên mặt đất hoặc trên sàn nhà)	Làm việc ngoài trời, nặng nhọc, nguy hiểm.																			
87	Công việc phải mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng lao động chưa thành niên.	<table><tr><th rowspan="2">Phân loại</th><th colspan="2">Công việc thường xuyên (kg)</th><th colspan="2">Công việc không thường xuyên (kg)</th></tr><tr><th>Nam</th><th>Nữ</th><th>Nam</th><th>Nữ</th></tr><tr><td>Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng)</td><td>≥ 15</td><td>≥ 12</td><td>≥ 10</td><td>≥ 8</td></tr><tr><td>Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng)</td><td>≥ 30</td><td>≥ 25</td><td>≥ 20</td><td>≥ 15</td></tr></table>	Phân loại	Công việc thường xuyên (kg)		Công việc không thường xuyên (kg)		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng)	≥ 15	≥ 12	≥ 10	≥ 8	Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng)	≥ 30	≥ 25	≥ 20	≥ 15
Phân loại	Công việc thường xuyên (kg)			Công việc không thường xuyên (kg)																	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ																	
Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng)	≥ 15	≥ 12	≥ 10	≥ 8																	
Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng)	≥ 30	≥ 25	≥ 20	≥ 15																	
88	Phân loại, tái chế các sản phẩm có chứa than chì./.	Làm việc trong môi trường có hóa chất độc hại, có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe.																			

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung

TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG ĐÃ TIẾP THU GIẢI TRÌNH TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ

STT	Vị trí, nội dung trong Dự thảo Thông tư	Đề xuất sửa đổi của các đơn vị	Quan điểm soạn thảo
	A. VỀ DỰ THẢO THÔNG TƯ		
1	Điểm b, Khoản 2 Điều 3 dự thảo Thông tư	Bổ sung từ kiểm tra, cụ thể “Tăng cường kiểm tra, thanh tra và xử lý kịp thời...”	Tiếp thu
	B. VỀ DANH MỤC KÈM THEO DỰ THẢO THÔNG TƯ		
2	Khoản 1 Điều 1 Danh mục kèm theo Dự thảo Thông tư (về nơi làm việc)	Đề nghị sửa “Tiếp xúc với các yếu tố có hại và các chất trong môi trường lao động... (... bụi than, bụi tale ,...).... theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh lao động hoặc tiêu chuẩn vệ sinh lao động.	Tiếp thu 1 phần vì một số tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo 3733 đã được thay thế bằng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
3	Khoản 2 Điều 1 Danh mục kèm theo Dự thảo Thông tư	Đề nghị: Tiếp xúc với các vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm.	Tiếp thu
4	Khoản 3 và 4 Điều 1 Danh mục kèm theo Dự thảo Thông tư	Đề nghị lồng ghép khoản hai khoản như sau: “Thời gian làm việc trên 04 giờ/ngày trong không gian làm việc gò bó, chật hẹp, công việc có khi phải quỳ gối, nằm, cúi khom hoặc công việc tại nơi có địa hình đồi núi dốc trên 30 độ”.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì quy định thời gian làm việc trên 04 giờ/ngày chỉ áp dụng cho Khoản 3, không áp dụng cho Khoản 4 d
5	Khoản 4 Điều 1 của . Danh mục nơi làm việc	Đề nghị sửa thành: “Trên giá cao hay dây treo cao hơn 2 m so với mặt sàn làm việc”.	Tiếp thu
6	Điều 2 của Danh mục kèm theo Dự thảo Thông tư (Danh mục công việc)	Đề nghị phân loại danh mục các công việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên theo nhóm ngành nghề để dễ tra cứu dễ tìm.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo do dễ gây hiểu nhầm khi áp dụng, một số chức danh nghề, công việc áp dụng cho nhiều ngành nghề
7		Đề nghị quy định mọi nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đều cấm lao động chưa thành niên (mọi nghề trong danh mục nghề trong Thông tư 15/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2018)	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì Việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên căn cứ nguyên tắc tại Khoản 1 Điều 144 Bộ luật lao động “Lao động chưa thành niên chỉ được làm công việc phù hợp với sức khỏe để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách ”.

			Điểm h Khoản 1, Điểm d Khoản 2 Điều 147 Bộ LLĐ 20019 quy định: Công việc, nơi làm việc khác <i>gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.</i> Như vậy chỉ những nghề NNDHNH không phù hợp với sức khỏe mà có ảnh hưởng xấu tới sự tới sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách mới bị cấm
	C. CÁC CHỨC DANH NGHỀ, CÔNG VIỆC TRONG BẢNG		
8		Đề nghị bổ sung các vị trí công việc không nên sử dụng lao động chưa thành niên trong ngành thủy sản: 1. Vận hành nồi hơi 2. Vận hành hệ thống máy lạnh 3. Vận hành xử lý nước thải 4. Vận hành xe Container 5. Nhân viên cơ khí 6. Nhân viên phòng kiểm nghiệm 7. Công nhân bộ phận chiền 8. Công nhân làm việc trong kho đông lạnh	- Công việc số 1,2,3,5 đã có trong danh mục - Công việc số 4 vận hành xe Container: Người dưới 18 tuổi không được cấp bằng lái xe container. - Công việc số 6 yêu cầu lao động phải qua đào tạo nên không thể tuyển dụng lao động dưới 18 tuổi - Công việc số 7 nghiên cứu thêm do chưa có cơ sở khoa học - Công việc số 8: Tiếp thu vào chức danh số 8 tại Dự thảo danh mục.
9	Chức danh nghề số 6 của Danh mục tại Điều 2	đề nghị sửa thành: “Vận hành nồi hơi đốt nhiên liệu (than đá, bã mía, củi, mùn cưa và nồi hơi sử dụng nhiên liệu lỏng và có khí áp suất làm việc từ 4,0 bar trở lên, công suất trên 0,5 T/h)	Tiếp thu
10	Chức danh nghề số 7	đề nghị sửa “Vận hành hệ thống điều chế và nạp axetylen, oxy và các khí hóa lỏng, các trạm khí nén có áp suất 8,0 bar	Tiếp thu
11	Chức danh số 8: “Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh)”	Đề xuất bỏ vì “Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh) điều kiện làm việc đã được cải thiện do cải tiến áp dụng KHKT. Việc vận hành đã được cách ly so với khu vực làm lạnh”.	Đề nghị bổ sung như sau: “Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh), làm việc trong kho lạnh” vì việc vận hành còn liên quan đến an toàn của người xung quanh và có ý kiến của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam bổ sung chức danh nghề: “Vận hành hệ thống máy lạnh”; “Công nhân làm việc trong kho đông lạnh”

12	Chức danh số 11 và 85	đề nghị sửa quy định chung độ cao là 2m	Tiếp thu để phù hợp với danh mục nơi làm việc
13	Chức danh số 14	đề nghị nêu rõ mức nhiệt độ trong mô tả điều kiện lao động	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì phần mô tả đã ghi rõ là vượt tiêu chuẩn cho phép
14	Chức danh số 30	Đề nghị sửa thành: “Lái máy nông nghiệp”.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo vì máy nông nghiệp rất đa dạng. Nội dung quá rộng chưa có đánh giá đầy đủ tác động.
15	Đặc điểm về điều kiện lao động Chức danh số 32	đề nghị bỏ từ “xa” vì hiện nay việc khai thác tổ yến chủ yếu là các đảo gần bờ	Tiếp thu
16	Chức danh số 36: “Sơ chế tre, nứa, mây, cối”	Ý kiến 1: Đề nghị bổ sung cụm từ “có sử dụng hóa chất độc hại”. Ý kiến 2: đề nghị bỏ khỏi danh mục, vì thực tế nhiều đơn vị chế biến tre, nứa, mây cối thủ công bằng tay không sử dụng hóa chất trong quá trình sơ chế nên có thể sử dụng lao động chưa thành niên Sơ chế tre, nứa, mây, cối chủ yếu là các công đoạn đầu của việc sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ, chưa hoặc ít tiếp xúc với hóa chất độc. Hiện nay lao động chưa thành niên tham gia sơ chế tre, nứa, mây, cối khá phổ biến tại các hộ gia đình, tăng thêm thu nhập cho hộ gia đình.	Tiếp thu theo ý kiến 1
17		Chức danh số 38 của Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH “Chế biến chượp, mắm tôm, mắm kem, nước mắm, thủy, hải sản khô” Ý kiến1: Đề nghị bỏ, do quy định chung chung; thực tế điều kiện lao động đã có nhiều cải thiện, có thể sử dụng lao động chưa thành niên Ý kiến2: Đề nghị chi tiết công đoạn nào người chưa thành niên có thể làm được với chức danh này	Tiếp thu theo ý kiến 1
18		Chức danh số 39 của Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH : “Chế biến cà phê nhân xuất khẩu”. Ý kiến1: Đề nghị bỏ, để tạo điều kiện kinh doanh cho các doanh nghiệp khi các quy định không rõ ràng; mặt	Đề xuất tiếp thu theo Ý kiến 1

		khác điều kiện lao động nghề này cũng đã được cải thiện; Ý kiến 2: Đề nghị làm rõ công đoạn nào trong chế biến cà phê nhân phải cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên.	
19	Chức danh số 38: “Công việc phải làm một mình trên đường sắt, trong hầm núi, trong các công trình ngầm, hoặc ở nơi tầm nhìn của người công nhân không vượt quá 400m, hoặc nơi giao thông rất khó khăn”.	Đề nghị tách riêng chức danh trong hầm núi	Tiếp thu theo hướng bỏ nội dung “trong hầm núi, trong các công trình ngầm” vì nội dung này đã được quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 147, Bộ luật Lao động 2019. - Bổ sung điều kiện lao động: “Làm việc ngoài trời, công việc thủ công nặng nhọc, nguy hiểm, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép”.
20	Chức danh số 41	Ý kiến 1: Về chức danh nghề, sửa đổi để phù hợp với Thông tư 53/2016/TT-BLĐTBXH Ý kiến 2 Đề nghị điều chỉnh kiện lao động thành: “Công việc nặng nhọc, nguy hiểm khi sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động”.	Tiếp thu ý kiến 1 Đối với ý kiến 2, đề nghị giữ nguyên như dự thảo để thống nhất cách thức mô tả điều kiện lao động
21	Đặc điểm về điều kiện lao động chức danh số 43	Đề nghị sửa thành: “Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi, ồn và rung vượt tiêu chuẩn cho phép”.	Tiếp thu
22	Chức danh số 44: “Vận hành tàu hút bùn”.	Đề nghị sửa thành: “Vận hành tàu hút bùn, hút cát”.	Tiếp thu
23		Chức danh số 49 của Thông tư 10/2013/TT-BLĐTBXH: “Thợ lặn.”	Bỏ vì trùng với quy định tại Điểm g Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 147 Bộ luật Lao động 2019.
24	Chức danh số 55	Đề nghị bổ sung: Trong lò sấy nguyên liệu thuốc lá	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo do thiếu cơ sở khoa học
25	Chức danh số 74	Đề nghị đổi cụm từ “hóa chất” thành “hợp chất”	Tiếp thu, bổ sung thêm cụm từ “hợp chất”
26		Chức danh số 84 của Thông tư 10/2013/TT-BLĐTBXH “Công việc thiêu hủy hoặc sát sinh” Ý kiến: Đề nghị làm rõ hơn việc thiêu hủy hoặc sát sinh đối với động vật, gia cầm nào	Tiếp thu theo hướng bỏ vì đã quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 147 Bộ luật lao động 2012

27	Chức danh số 81 của dự thảo: “Mô tử thi, liệm mai táng người chết, bốc mộ mả”.	Bổ sung các công việc trong nhà xác	Tiếp thu
28	Chức danh số 82: “Công việc trong nhà tù hoặc trong bệnh viện tâm thần”	Đề nghị bổ sung “.... trong nhà tang lễ”.	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo do chưa đủ cơ sở khoa học và thực tiễn.
29		Bổ sung chức danh nghề: “Tham gia thực hiện các công đoạn phân loại, tái chế các sản phẩm có chứa than chì hoặc các hợp chất, hóa chất độc hại”.	Tiếp thu, bổ sung “Phân loại, tái chế các sản phẩm có chứa than chì” Riêng cụm từ “hóa chất độc hại” quá chung chung, gây khó khăn trong quá trình triển khai.
30		Bổ sung chức danh nghề: “Cắt kính, mang, vác, tháo, lắp kính trong xây dựng, lau kính nhà cao tầng”	Nghiên cứu thêm vì chưa đủ cơ sở khoa học và thực tiễn
31		Bổ sung chức danh nghề: “Thu gom rác thải sinh hoạt, công nghiệp bằng phương pháp thủ công, tiếp xúc với môi trường ô nhiễm, chịu nóng bụi, cường độ làm việc cao”.	Đã có trong danh mục
32		Bổ sung chức danh nghề: “Vận hành máy khoan giếng” với mô tả về đặc điểm điều kiện lao động: “Công việc nặng nhọc, thường xuyên chịu tác động của mức ồn, rung, môi trường làm việc ẩm ướt”.	Đề nghị không bổ sung chức danh nghề này do việc sử dụng máy khoan đã được quy định trong danh mục